TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 506/2024/DSPT
Ngày: 04 - 12 - 2024
V/v "tranh chấp đòi lại tài sản từ hợp đồng hợp tác"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Tuyết Mai;

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 02 và 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2024/TLPT- DS ngày 01 tháng 10 năm 2004 về "Tranh chấp đòi lại tài sản từ hợp đồng hợp tác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS – ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ bị bị đơn kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 387/2024/QĐPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Công L, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu V L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Kiều T, sinh năm 1975; địa chỉ: A KDC H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Trung K, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu V Q, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: bà Nguyễn Thị Diễm T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số B V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Ông Đoàn Trung K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày như sau:

Trước đây, giữa ông Lê Công L và ông Đoàn Trung K có cùng góp tiền mua 200 m^2 thuộc một phần thửa đất Số 2077 – tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất Số CS15917 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 17/9/2018 của vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Ngọc E và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị L1 với giá chuyển nhượng 400.000.000 đồng. Ông Lê Công L và ông Đoàn Trung K mỗi người góp 200.000.000 đồng. Mặc dù ông L và ông K là bên nhận chuyển nhượng nhưng thỏa thuận để hai người con là Lê Công B (con ông L) và Đoàn Khánh H1 (con ông K) đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng, có công chứng. Phần đất chuển nhượng hiện nay vẫn còn đứng tên chủ cũ do nằm trong khu dự án nên chưa thực hiện sang tên được.

Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông L đã đặt cọc trước cho bên chuyển nhượng 30.000.000 đồng. Đến khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông K có nhờ ông L thanh toán thay 200.000.000 đồng cho bên chuyển nhượng. Nên ngày 10/12/2021 ông L đã kêu con trai là Lê Công L2 chuyển thêm cho bên chuyển nhượng 370.000.000 đồng. Tổng số tiền ông L đã xuất ra để thanh toán hợp đồng chuyển nhượng là 400.000.000 đồng.

Vì vậy, tại Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (lần 2) ngày 25/12/2023 ông Lê Công L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Trung K trả lại cho ông L số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)* mà ông L đã xuất ra trả thay ông K từ Hợp đồng chuyểnnhượng quyền sử dụng đất ngày 10/12/2021 nói trên, và đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày 10/12/2021 cho đến ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Riêng đối với khoản yêu cầu ông Đoàn Trung K trả 600.000.000 đồng tiền môi giới bán đất theo Đơn khởi iện ngày 21/6/2023 và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện (lần 1) ngày 20/12/2023 thì ông L rút lại yêu cầu do đã khởi kiện trong một vụ án khác.

- Qúa trình giải quyết, phía bị đơn trình bày như sau:

Phía bị đơn thừa nhận giữa ông L và ông K trước đây có thỏa thuận (bằng lời nói) về việc hùn vốn mỗi người góp 200.000.000 đồng để mua miếng đất tại thửa 2077 – tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất Số CS15917 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 17/9/2018 của vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Ngọc E và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị L1 với giá 400.000.000 đồng; việc mua đất thống nhất để con của ông L là Lê Công L2 và con của ông K là Đoàn Khánh H2 đứng tên trên các giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông K đã đưa 200.000.000 đồng cho ông L để trả tiền mua đất, nhưng do tin tưởng nên không có làm giấy giao nhận tiền mà chỉ căn cứ vào bên bán ký xác nhận đã nhận đủ số tiền tổng cộng 400.000.000 đồng theo "Biên nhận" ngày 10/12/2021, xem như ông K đã thực hiện xong nghĩa vụ hùn vốn. Phía bị đơn khẳng định không có mượn 200.000.000 đồng của ông L nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện.

- Qúa trình thu thập chứng cứ bổ sung:

Người làm chứng Lê Công L2 khai rằng: Số tiền chuyển khoản 370.000.000 theo "Lệnh thanh toán" ngày 10/12/2021 từ tài khoản Lê Công L2 chuyển cho người nhận là Nguyễn Ngọc E, là do anh L2 thực hiện theo đề nghị của ông Lê Công L, đó là tiền của ông L xuất ra để thanh toán tiền mua đất. Nay anh L2 không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Người làm chứng Lê Công B khai rằng: Ngày 10/12/2021, ông L và ông K có thỏa thuận hùn vốn mỗi người góp 200.000.000 đồng để mua miếng đất tại thửa 2077 – tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và tài sản khác gắn liền với đất Số CS15917 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 17/9/2018 của vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Ngọc E và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị L1 với giá 400.000.000 đồng; và thống nhất để Lê Công L2 và Đoàn Khánh H2 đứng tên trên các giấy tờ chuyển nhượng. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông L đã đưa tiền đặt cọc cho bên bán đất 30.000.000 đồng, khi ký hợp đồng chuyển nhượng ông K có mượn ông L 200.000.000 đồng để góp vô trả thêm 370.000.000 đồng cho bên chuyển nhượng đất.

Người làm chứng Đoàn Khánh H2 khai rằng: Anh H2 có nghe cha là ông K nói có giao đủ tiền cho ông L nên ông L và cha anh kêu B và anh cùng ký tên trên biên nhận đã giao tiền đủ cho bên bán ngày 10/12/2021.

Tại bản án số 31/2024/DS – ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 Toà án nhân dân quận Thốt Nốt đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Đoàn Trung K có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Công L số tiền hùn vốn mà ông L đã xuất ra để thanh toán là 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng)*.

Thời gian và phương thức giao trả tiền do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền trong quá trình thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Trung K phải chịu án phí tương ứng phần nghĩa vụ phải thực hiện là: 05 % x 200.000.000 đồng = 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Ông Lê Công L được miễn án phí do là người cao tuổi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/5/2024 bị đơn ông Đoàn Trung K có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện bị đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Về hình thức kháng cáo: Ngày 28/05/2024 bị đơn ông Đoàn Trung K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem là hợp lệ về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của đại diện ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa xác định, ông K yêu cầu sửa bản án dân sư sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi bị đơn không có mượn tiền của ông L. Ngoài ra, ông đã thanh toán tiền hùn chuyển nhượng đất cho ông L được thể hiện qua "Biên nhận ngày 10/12/2021".

[2] Nhận thấy, căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn xác định giữa ông L và ông K thỏa thuận hùn vốn để mua nhà đất với số tiền mỗi người góp vào là 200.000.000 đồng, thỏa thuận này các bên không lập bằng văn bản nhưng được các bên đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Quá trình hợp tác ông L cho rằng ông K đã mượn ông số tiền 200.000.000 đồng để trả cho bên bán. Ông K không thừa nhận có mượn tiền ông L. Ông đã trả tiền mua đất thể hiện qua "Biên nhận ngày 10/12/2021".

[2.1] Xét lời trình bày của ông L cho rằng ông K đã mượn ông số tiền 200.000.000 đồng để trả mua đất cho bên bán. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện ông L thừa nhận việc mượn tiền này hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có thiết lập bằng văn bản hay có sự chứng kiến của một người nào

khác trong khi đó, ông K không thừa nhận có mượn tiền ông L. Theo quy định tại Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì "Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp". Như vậy, phía nguyên đơn chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận mượn tiền giữa hai bên và ông đã giao cho bị đơn số tiền 200.000.000 đồng.

[2.2] Mặt khác, ông L và ông K đều thống nhất việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bên bán đất là vợ chồng ông Trần Văn C, bà Nguyễn Ngọc E và vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị L1 với giá 400.000.000 đồng; việc mua đất thống nhất để con của ông L là Lê Công L2 và con của ông K là Đoàn Khánh H2 đứng tên trên các giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa, các bên thừa nhận sau khi bên mua hoàn tất việc chuyển đủ tiền cho bên bán mới tiến hành ký hợp đồng chuyển nhượng. Căn cứ vào "Biên nhận ngày 10/12/2021" ông Nguyễn Văn H xác nhận, ông có chuyển nhượng miếng đất diện tích 200m^2, thuộc thửa đất số 2077, tờ bản đồ số 16. Đất tọa lạc tại khu vực bình A, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ cho ông Lê Công B và ông Đoàn Khánh H2, giá chuyển nhượng 400.000.000 đồng, đã đặt cọc 30.000.000 đồng, số tiền còn lại 370.000.000 đồng ngày 10/12/2021 ông đã nhận đủ từ ông Đoàn Khánh H2 và Lê Công B. Như vậy, nội dung biên nhận này đã thể hiện, bên bán nhận tiền của bên mua là ông H2 và ông B. Ông L cho rằng ông K chưa đưa tiền hùn cho ông nhưng lại để con ông K ký vào biên nhận và hợp đồng chuyển nhượng là chưa hợp lý. Hơn nữa, hợp đồng chuyển nhượng được ký từ tháng 12/2021, ông L cho rằng ông K chưa đưa tiền hùn vốn nhưng sau đó vẫn không có ý kiến gì để yêu cầu ông K trả nợ, 02 năm sau tháng 12/2023 mới tiến hành khởi kiện.

Từ những nhận định trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của ông L là chưa có cơ sở để chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông K trả cho ông L số tiền 200.000.000 đồng là chưa có căn cứ.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng ông K không phải chịu. Ông K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005415 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ thành án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn – ông Đoàn Trung K.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DS- ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

2.1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Đoàn Trung K có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Công L số tiền hùn vốn mà ông L đã xuất ra để thanh toán là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

3. Về án phí dân sự:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Công L được miễn án phí do là người cao tuổi.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K không phải chịu. Ông K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005415 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Cần Thơ;
- TAND quận Thốt Nốt;
- Chi Cục THADS quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Loan